

TOÀ ÁN NHÂN DÂN

TỈNH THÁI BÌNH

Bản án số: 18/2022/HN&GD-PT

Ngày: 29/9/2022

V/v Tranh chấp chia tài sản chung
của vợ chồng sau ly hôn.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng

Các Thẩm phán: Ông Vũ Duy Luân và bà Lương Hải Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Minh Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2022/TLPT-HN&GD ngày 02 tháng 8 năm 2022 về “*Tranh chấp chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn*” do có kháng cáo đối với bản án số 21/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2022/QĐXXPT-HN&GD ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lưu Văn D (Lưu Bá D), sinh năm 1966;

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị V, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lưu Quang V, sinh năm 1954;

- Chị Lưu Thị M, sinh năm 1971;

Đều địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Chị Lưu Thị S, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình.

- Chị Lưu Thị S1, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Thôn A, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Người kháng cáo: Chị Trần Thị V kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phần tài sản chung của vợ chồng.

(Anh D, chị V, anh V, chị M, chị S, chị S1 có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

1. Nguyên đơn – anh Lưu Văn D trình bày:

Ngày 04/3/2021, Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải ban hành Quyết định số 28/QĐ-ST, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh và chị Trần Thị V. Riêng tài sản chung chưa yêu cầu giải quyết. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của anh và chị V theo quy định của pháp luật gồm: 01 nhà trên, 01 nhà dưới, công, đậu, sân nhà, bể nước, lán tôn và một số đồ dùng trong nhà gồm: 01 bình năng lượng mặt trời; 01 bộ bàn ghế phòng khách; 01 tivi; 02 điều hòa; 01 bộ bàn ghế ăn; 01 bộ thuyền + bình kích điện; 01 kệ bếp inox; 01 máy hút mùi; 01 máy giặt; 01 tủ lạnh; 01 giường. Anh không yêu cầu chia diện tích đất mà anh và chị V đã xây dựng nhà và các công trình trên đất vì đất này là của bố mẹ anh (Cụ C và cụ T) để lại chưa chia thừa kế. Anh rút một phần yêu cầu về việc giải quyết chia tài sản chung là thừa đất tại xã Đ hiện tại mang tên em trai chị V là anh Trần Văn C.

2. Bị đơn chị Trần Thị V trình bày:

Chị yêu cầu chia đôi toàn bộ tài sản chung của chị và anh D gồm: 01 nhà trên, 01 nhà dưới, công, đậu, sân nhà, bể nước, lán tôn và một số đồ dùng trong nhà như anh D trình bày. Chị xác định diện tích đất thổ cư mà chị và anh D đã xây dựng các công trình trên đất tổng diện tích là 315,5m² mang tên cụ Lưu Văn C tại thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình là tài sản chung của vợ chồng chị được cụ T tặng cho nên anh chị mới xây nhà ở riêng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Anh V, chị S, chị S1, chị M cùng trình bày: Anh chị không đồng ý với yêu cầu chia đất của chị V, vì đất này là của bố mẹ anh chị để lại, là di sản thừa kế của 05 anh chị em. Hiện tại, anh V, chị S, chị S1, chị M đều không yêu cầu Tòa án giải quyết phần đất là di sản của bố mẹ các anh chị là cụ C và cụ T để lại theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 59/QSDĐ ngày 12/11/1996 mang tên cụ Lưu Văn C, tổng 2.376m² đất các loại gồm: Đất thổ 400m²; đất vườn 560m²; đất ao 192m²; còn lại là đất ruộng hai lúa tại thôn Chỉ Trung, xã Đông Hoàng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

4. Tại biên bản xác minh ngày 16/3/2022 UBND xã Đông Hoàng cung cấp: Tại sổ mục kê và bản đồ năm 1990, diện tích đất anh D và chị V đang sử dụng, mang tên cụ Lưu Thị C, diện tích 1010 m² đất ở và 216m² đất ao. Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 59/QSDĐ ngày 12/11/1996 thể hiện có 400m² đất ở, 560m² đất vườn tấp và 192m² đất ao mang tên cụ Lưu Văn C. Theo đo đạc VLAP năm 2013, diện tích đất của cụ C và cụ T để lại, hiện do anh D đang sử dụng gồm 882m² đất ở, vườn tấp và 206m² đất ao. Diện tích đất này

không xác định được đâu là đất thổ cư, đâu là đất vườn tạp. So sánh với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đất do anh D đang quản lý giảm đi 64m². Nguyên nhân giảm do đo thủ công và do xây dựng công trình nông thôn mới. Chính quyền địa phương đề nghị Tòa án tạm xác định 02 nhà, 01 bể nước diện tích 145,1m² là đất ở; phần sân, cổng dậu diện tích 178,8 m² là đất vườn tạp. Khi chết cả cụ C và cụ T đều không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất của cụ C và cụ T gồm 05 người là: Anh Lưu Quang V; chị Lưu Thị S; chị Lưu Thị S1, anh Lưu Văn D; chị Lưu Thị M. Năm 2011, anh V, chị S, chị S1 và chị M có lập văn bản giấy từ chối nhận di sản thừa kế và nhường toàn bộ diện tích di sản thừa kế trên cho anh D quản lý và sử dụng. Tuy nhiên việc nhường quyền này chưa có hiệu lực vì có người không nhất trí, nên các bên không yêu cầu chính quyền thực hiện việc phân chia di sản. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc trên theo quy định của pháp luật.

Bản án số 21/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ vào các điều 28, 29, 33, 34, 35, 59 và 62 của Luật hôn nhân và gia đình. Các điều 35, điều 39, điều 147, điều 200, điều 227, điều 228, điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Văn D về việc chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn giữa anh D và chị Trần Thị V là thừa đất mang tên anh Trần Văn C tại xã Đông Hoàng, huyện Tiền Hải.

2. Xử chấp nhận yêu cầu của anh Lưu Văn D về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn giữa anh Lưu Văn D và chị Trần Thị V tại thôn Chỉ Trung, xã Đông Hoàng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

- Chia giao cho anh Lưu Văn D được quyền sở hữu, các tài sản chung của anh D - chị V gồm: 01 nhà xây mái bằng (B1) diện tích 59,2 m², 01 nhà xây mái bằng (B2) diện tích 40,9 m², 01 nhà mái tôn diện tích 36,6 m², 01 sân bê tông lát gạch diện tích 178,4 m², 01 bể nước 9,24 m³, 01 cổng + tường dậu, 01 bình năng lượng mặt trời, 02 máy điều hòa, 01 kệ bếp Inox, 01 máy hút mùi, 01 bộ bàn ghế ăn, 01 giường ngủ, 01 thuyền tôn + bộ kích. Tổng trị giá tài sản chung anh D sở hữu là: 195.355.388 đồng.

- Tạm giao cho anh Lưu Văn D được quyền tạm thời sử dụng và tiếp tục quản lý toàn bộ diện tích 882 m² đất thổ ở + đất vườn và 206m² đất ao (trong đó có 315,5 m² đất thổ ở + đất vườn là khuôn viên 02 nhà và các công trình xây Dựng khác của anh D và chị V). Đất có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Vũ Đức T và ông Roãn Văn P dài 18,9m và 30,9m; Phía Tây giáp đường giao thông xóm dài 46,5m; Phía Nam giáp đất bà Nguyễn Thị H dài 20,2m + 10,15m; Phía Bắc giáp

đường giao thông xóm dài 20,8m (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 59/QSĐĐ ngày 12/11/1996) tại thôn Chỉ Trung, xã Đông Hoàng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. Anh Lưu Văn D được sở hữu toàn bộ các công trình xây dựng trên phần đất trên tại thôn Chỉ Trung, xã Đông Hoàng. (Có sơ đồ kèm theo).

- Chia giao cho chị Trần Thị V được quyền sở hữu các tài sản chung gồm: 01 bộ bàn ghế phòng khách; 01 Ti vi; 01 tủ lạnh; 01 máy giặt. Tổng trị giá tài sản chung chị Trần Thị V sở hữu là: 11.750.000 đồng.

- Buộc anh Lưu Văn D phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản trả cho chị Trần Thị V là: 122.868.000 đồng (*Một trăm hai mươi hai triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng*).

3. Xử bác yêu cầu phản tố của chị V về việc phân chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn giữa anh D và chị V gồm có: 315,5 m² đất thổ ở + đất vườn trong khuôn viên 02 nhà xây và các công trình xây dựng khác của anh D và chị V xây trên toàn bộ diện tích 882m² đất thổ ở + đất vườn, hiện mang tên của cụ Lưu Văn C tại thôn Chỉ Trung, xã Đông Hoàng, huyện Tiền Hải, Thái Bình.

4. Xác định toàn bộ tổng diện tích 2.376m² đất các loại gồm: (Đất thổ 400m², đất vườn 560m², đất ao 192m², còn lại là đất ruộng hai lúa) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 59/QSĐĐ ngày 12/11/1996, mang tên ông Lưu Văn C, tại thôn Chỉ Trung, xã Đông Hoàng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình là di sản thừa kế của cụ Lưu Văn C và cụ Nguyễn Thị T chưa phân chia. Việc chia di sản thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ Chấm và cụ Tốt gồm: Anh D, anh Vinh, chị S, chị S1 và chị M sẽ được giải quyết riêng bằng một vụ án Dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 31/5/2022, chị Trần Thị V có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Sửa bản án số 21/2022/HNGĐ-ST ngày 27/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình theo hướng: Chấp nhận yêu cầu của chị xác định 315,5m² đất nằm trong thửa đất 2.376m² của bố mẹ chồng chị (cụ C, cụ T) được mẹ chồng chị đã cho để vợ chồng chị xây dựng các công trình về nhà ở trên đất cũng là tài sản chung vợ chồng, chị yêu cầu chia ½ phần diện tích đất này, đồng thời xử đúng phần tài sản chung là các công trình trên đất và đồ dùng trong gia đình.

Tại phiên tòa phúc, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng

và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị V.
- Hủy và đình chỉ nội dung giải quyết tại 4 phần Quyết định của bản án sơ thẩm do giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Trần Thị V gửi trong thời hạn kháng cáo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, là kháng cáo hợp lệ, được đưa ra xem xét tại phiên tòa phúc thẩm.

Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn - chị Trần Thị V đề nghị Tòa án giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu của chị đối với 315,5m² đất nằm trong thửa đất có diện tích 2.376m² của cụ C, cụ T đã được cụ T cho vợ chồng chị nên yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ phần diện tích đất này và yêu cầu chia tài sản chung là công trình trên đất cùng đồ dùng sinh hoạt khác theo quy định pháp luật.

[2.1] Xét nguồn gốc 315,5m² đất trên thì thấy: Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 59/QSDĐ ngày 12/11/1996 thể hiện là thửa số 142 tờ bản đồ số 1 có 400m² đất ở, 560m² đất vườn tạp và thửa số 179 tờ bản đồ số 1 có 192m² đất ao và còn lại là đất hai lúa mang tên cụ Lưu Văn C địa chỉ: thôn Chỉ Trung, xã Đông Hoàng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình. UBND xã Đông Hoàng cung cấp: Tại sổ mục kê và bản đồ năm 1990 và bản đồ VLAP năm 2013, anh D đang quản lý diện tích 882m² đất ở, vườn tạp và 206m² đất ao. Các đương sự đều thống nhất cụ C, cụ T chết và không để lại di chúc. Chị V cung cấp các biên bản thỏa thuận phân chia tài sản của anh em ruột anh D từ chối di sản hai cụ vào năm 2011, nhưng việc từ chối di sản trên không được tiếp tục thực hiện tại cơ quan có thẩm quyền nên không có giá trị pháp lý. Mặt khác chị V không có căn cứ nào chứng minh cụ T đã định đoạt, tặng cho vợ chồng chị 315,5m² vào năm 1996. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị V đối với 315,5m² đất là tài sản chung của chị V và anh D. Bản án sơ thẩm xác định quyền sử dụng đất không phải là tài sản chung của anh D và chị V, không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung này là phù hợp. Tuy nhiên, toàn bộ bản án sơ thẩm không nêu rõ số thửa đất thuộc quyền sử dụng của cụ C và cụ T mà chỉ nêu vị trí đất thuộc địa giới hành chính nào là có thiếu sót, gây khó khăn trong việc xác định chính xác vị trí thửa đất nên cần khắc phục.

[2.2] Xét việc phân chia tài sản chung của vợ chồng của Tòa án cấp sơ thẩm thì thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định tài sản chung của anh D và chị V trong thời kỳ hôn nhân gồm: 01 nhà xây mái bằng, diện tích 59,2 m²; 01 nhà xây mái bằng, diện tích 40,9 m²; 01 nhà mái tôn diện tích 36,6 m²; 01 sân bê tông lát gạch 178,4 m²; 01 bể nước 9,24 m³; 01 cổng + tường dậu; 01 bình năng lượng mặt trời; 02 máy điều hòa; 01 kệ bếp Inox; 01 máy hút mùi; 01 bộ bàn ghế ăn; 01 giường ngủ; 01 thuyền tôn + bộ kích; 01 bộ bàn ghế phòng khách; 01 ti vi; 01 tủ lạnh; 01 máy giặt; tổng giá trị là: 207.105.388 đồng. Anh D và chị V không ý kiến gì về kết quả định giá tài sản. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử, giao nhà công trình và một số tài sản trên đất với tỷ lệ anh D hưởng 35%; chị V hưởng 65% đối với tổng giá trị tài sản chung là đã xác định công sức cho chị V tạo dựng trong thời gian đi lao động tại nước ngoài. Do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị V về nội dung chia tài sản chung chưa được công bằng, vì vậy cần y án sơ thẩm đối với nội dung này.

[2.3] Đối với các vấn đề khác trong bản án sơ thẩm:

[2.3.1] Bản án cấp sơ thẩm tuyên: *Tạm giao cho anh Lưu Văn D được quyền tạm thời sử dụng và tiếp tục quản lý toàn bộ diện tích 882 m² đất thổ ở + đất vườn và 206m² đất ao (trong đó có 315,5 m² đất thổ ở + đất vườn là khuôn viên 02 nhà và các công trình xây dựng khác của anh D và chị V). Đất có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Vũ Đức T và ông Roãn Văn P dài 18,9m và 30,9m; Phía Tây giáp đường giao thông xóm dài 46,5m; Phía Nam giáp đất bà Nguyễn Thị H dài 20,2m + 10,15m; Phía Bắc giáp đường giao thông xóm dài 20,8m (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 59/QSĐĐ ngày 12/11/1996) tại thôn Chỉ Trung, xã Đông Hoàng, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình. Anh Lưu Văn D được sở hữu toàn bộ các công trình xây dựng trên phần đất trên tại thôn Chỉ Trung, xã Đông Hoàng. (Có sơ đồ kèm theo) là chưa đúng quy định của pháp luật, cần sửa cách tuyên đối với nội dung này.*

[2.3.2] Trong phần quyết định của Bản án cấp sơ thẩm đã tuyên “ *Xác định tổng diện tích 2.376m² đất các loại gồm: Đất thổ 400m²; đất vườn 560m²; đất ao 192m²; còn lại là đất ruộng hai lúa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 59/QSĐĐ ngày 12/11/1996, mang tên cụ Lưu Văn C, tại thôn Chỉ Trung, xã Đông Hoàng, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình là di sản thừa kế của cụ Lưu Văn C và cụ Nguyễn Thị T chưa phân chia. Việc chia di sản thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ C và cụ T gồm: Anh D, anh V, chị S, chị S1 và chị M sẽ được giải quyết riêng bằng một vụ án dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu*”.

Việc xác định trên đã vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và vượt quá yêu cầu phản tố của bị đơn và không liên quan đến nội dung vụ án. Tại

phiên tòa phúc thẩm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình đề nghị Hội đồng xét xử hủy và đình chỉ giải quyết nội dung này, tuy nhiên xét thấy không cần thiết phải hủy và đình chỉ nội dung này như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình mà cần sửa bản án sơ thẩm không quyết định đối với nội dung này cũng phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy: Chị Trần Thị V kháng cáo yêu cầu chia lại tài sản chung của bản án sơ thẩm nhưng không đưa ra được căn cứ nào chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ, không chấp nhận kháng cáo của chị V.

Áp dụng khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm đối với những sai sót về cách tuyên và việc giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 28, 29, 33, 34, 35, 59 và 62 của Luật hôn nhân và gia đình. Các điều 35, điều 39, điều 147, điều 200, điều 227, điều 228, điều 271 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn chị Trần Thị V. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 21/2022/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình như sau:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Văn D về việc chia Tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn giữa anh D và chị Trần Thị V: Là thửa đất mang tên anh Trần Văn C tại xã Đông Hoàng, huyện Tiền Hải.

2. Xử chấp nhận yêu cầu của anh Lưu Văn D về việc phân chia Tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn giữa anh Lưu Văn D và chị Trần Thị V tại thôn Chỉ Trung, xã Đông Hoàng, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, chia như sau:

- Giao cho anh Lưu Văn D được quyền sở hữu, các tài sản chung của anh D - chị V gồm: 01 nhà xây mái bằng (B1) diện tích 59,2 m²; 01 nhà xây mái bằng (B2) diện tích 40,9 m²; 01 nhà mái tôn diện tích 36,6 m²; 01 sân bê tông lát gạch diện tích 178,4 m²; 01 bể nước 9,24 m³; 01 cổng + tường dậu (Có sơ đồ kèm theo); 01 bình năng lượng mặt trời; 02 máy điều hòa; 01 kệ bếp Inox; 01 máy hút mùi; 01 bộ bàn ghế ăn; 01 giường ngủ; 01 thuyền tôn + bộ kích. Tổng trị giá tài sản chung anh D sở hữu là: 195.355.388 đồng.

- Anh Lưu Văn D tiếp tục quản lý toàn bộ diện tích 882 m² đất thổ ở + đất vườn và 206m² đất ao (Trong đó có 315,5 m² đất thổ ở + đất vườn là khuôn viên 02 nhà và các công trình xây dựng khác của anh D và chị V); Đất có tứ cận: Phía Đông giáp đất ông Vũ Đức T và ông Roãn Văn P dài 18,9m và 30,9m; Phía Tây giáp đường giao thông xóm dài 46,5m; Phía Nam giáp đất bà Nguyễn Thị H dài 20,2m + 10,15m; Phía Bắc giáp đường giao thông xóm dài 20,8m (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 59/QSĐĐ ngày 12/11/1996) tại thôn Chi Trung, xã Đông Hoàng, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình.

- Giao cho chị Trần Thị V được quyền sở hữu: 01 bộ bàn ghế phòng khách; 01 Ti vi; 01 tủ lạnh; 01 máy giặt. Tổng trị giá tài sản chung chị Trần Thị V sở hữu là: 11.750.000 đồng (theo biên bản định giá tài sản).

- Buộc anh Lưu Văn D phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản trả cho chị Trần Thị V là: 122.868.000 đồng (*Một trăm hai mươi hai triệu tám trăm sáu mươi tám nghìn đồng*).

3. Xử bác yêu cầu phản tố của chị V về việc phân chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn giữa anh D và chị V gồm có: 315,5 m² đất thổ ở + đất vườn trong khuôn viên 02 nhà xây và các công trình xây Dựng khác của anh D và chị V xây trên toàn bộ diện tích 882 m² đất thổ ở + đất vườn, hiện mang tên của cụ Lưu Văn C tại thôn Chi Trung, xã Đông Hoàng, huyện Tiên Hải, Thái Bình.

4. Về án phí sơ thẩm:

- Anh D phải chịu 3.624.000 đồng tiền án phí chia tài sản chung. Đối trừ 3.000.000 đồng anh D đã nộp tiền tạm ứng án phí tại biên lai số: 002161 ngày 21/6/2021 tại chi cục THADS huyện Tiên Hải. Anh Lưu Văn D còn phải nộp 624.000 đồng.

- Chị V phải nộp 6.730.000 đồng tiền án phí chia tài sản chung và 300.000 đồng tiền án phí yêu cầu phản tố bị bác yêu cầu. Đối trừ 300.000 đồng chị V đã nộp tiền tạm ứng án phí biên lai số: 002273 ngày 17/12/2021 tại chi cục THADS huyện Tiên Hải. Chị Trần Thị V còn phải nộp 6.730.000 đồng.

“Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền; Hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015”.

5. Về án phí phúc thẩm: **Chị Trần Thị V** phải nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận. Chuyển số tiền nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai số 0002417 ngày 20/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình sang thành án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án, Chi cục THAH. Tiền Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Hằng

